

Đơn vị: TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN CỪ
Chương: 622 loại 070 khoản 072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mạo Khê, ngày 30 tháng 06 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

- Căn cứ Quyết định giao ngân sách số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của phòng giáo dục và thị xã Đông Triều.

Trường tiểu học Nguyễn Văn Cừ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Thực hiện quý II năm 2024	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.409.389.000	1.100.172.312	25	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.409.389.000	1.100.172.312	25	
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.474.820.204</u>	<u>866.937.758</u>		
	Mục 6000: Tiền lương	1.856.020.204	463.566.204	25	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-			
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.076.916.000	271.050.277		
	Mục 6200: Tiền thưởng	17.550.000		0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	1.680.000		0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	514.248.000	127.065.277	25	

	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	8.406.000	5.256.000	63	
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>744.885.000</u>	<u>233.206.304</u>		
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	36.793.000	11.151.804	30	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	114.647.000	31.550.000	28	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	24.267.000	5.168.000	21	
	Mục 6650: Hội nghị	6.500.000		0	
	Mục 6700: Công tác phí	18.440.000	2.100.000	11	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	55.804.000		0	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	188.066.000	105.071.500	56	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	300.368.000	78.165.000	26	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-			
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>189.683.796</u>	<u>28.250</u>	<u>0</u>	
	Mục 7750: Chi khác	189.683.796	28.250	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	89.856.000	37.440.000		
	Mục 6750 chi tiền công hợp đồng bảo vệ, vệ sinh	89.856.000	37.440.000	42	

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Thị Hải Thu